

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bút

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Công Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đ. Có mặt.

Bị đơn: Ông Bùi Thanh V, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/09/2024, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Nang trình bày:

Bà Nguyễn Thị N và ông Bùi Thanh V kết hôn vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đ. Trong quá trình chung sống đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V thường xuyên uống rượu say về đánh bà N, năm 2017 bà N từng nộp đơn đến Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn với ông V, quá trình giải quyết tại buổi hòa giải ông V đã viết giấy cam kết không đánh bà N, từ bỏ thói xấu tụ tập bạn bè

rượu chè và những quan hệ nam nữ bất chính bên ngoài, vì tình nghĩa vợ chồng và mong muốn cho con được chung sống có cả cha lẫn mẹ nên bà N đã đồng ý cho ông V cơ hội và rút đơn khởi kiện ly hôn, vợ chồng chung sống lại với nhau. Tuy nhiên đến năm 2020 ông V lại một lần nữa tiếp tục những thói xấu trước đây, thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu say về nhà gây chuyện với bà, chửi mắng và xúc phạm bà và cha mẹ của bà. Bản thân bà N bị bệnh tim và vừa được mổ tim, sức khỏe yếu đang trong giai đoạn phục hồi nhưng ông V không quan tâm chăm sóc mà còn chửi mắng, sỉ nhục bà. Bà N xác định không còn tình cảm đối với ông V, mâu thuẫn không hòa giải được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Thanh V.

Về quan hệ con chung: Bà N xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Bùi Thanh N, sinh ngày 20/4/2011. Ly hôn, bà yêu cầu giao cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, trước đây bà yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nhưng nay bà xác định không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Bùi Thanh V được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

* Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 CCCD của ông V (bản photo); 01 giấy khai sinh của con (bản sao); 01 CCCD và xác nhận thông tin cư trú của bà N (bản sao chứng thực); hình ảnh tin nhắn của ông Bùi Thanh V; Bản tự khai của nguyên đơn, con chung; Biên bản xác minh tại địa phương.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N; Xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Bùi Thanh V. Giao con Bùi Thanh N, sinh ngày 20/4/2011 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên ông V không phải cấp dưỡng nuôi con. Án phí dân sự sơ thẩm bà Nang phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bị đơn ông Bùi Thanh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông V vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Bà Nguyễn Thị N và ông Bùi Thanh V xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đ. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hội đủ các điều kiện do Luật hôn nhân và gia đình quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án bà N cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông V thường xuyên uống rượu say về nhà đánh bà và chửi mắng sỉ nhục bà. Ông V không có trách nhiệm với gia đình, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Qua xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng bà N, ông V có xảy ra mâu thuẫn, ông V đánh bà Nang. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông V đã trầm trọng, không thể hòa giải, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N và xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Bùi Thanh V.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà N ông V có 01 con chung tên là Bùi Thanh N, sinh ngày 20/4/2011. Xét thấy con chung hiện tại đang sống cùng với bà N và có nguyện vọng được sống cùng mẹ, nên HĐXX giao con Bùi Thanh N, sinh ngày 20/4/2011 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn bà N phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Bùi Thanh V về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Bùi Thanh V.

Về con chung: Giao con chung Bùi Thanh N, sinh ngày 20/4/2011 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và ông Bùi Thanh V không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị N phải chịu. Bà N được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0002323 ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 30/12/2024. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã H;
- (GCNKH số 01/2009)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thành viên Hội đồng xét xử
phiên tòa**

Thẩm phán – Chủ tọa

Nơi nhận:
THẨM

- *Đương sự;*

phiên tòa

- *VKSND huyện Hòa Vang;*

- *Chi cục THADS huyện Hòa Vang;*

- *UBND xã Điện Thắng Trung, tx. Điện Bàn, QN;*

- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa

Phạm Anh Tuấn